

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Ninh Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Số: 53/NBTPC-TCKT

V/v: Báo cáo tài chính bán niên năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
2. Mã chứng khoán : NBP
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 1- Đường Hoàng Diệu – P.Thanh Bình-TPNB
4. Điện thoại : 0229 2210 537 Fax : 0229 3873 762
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lương Thị Thúy - Người được UQCBTT.

6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 của CTCP Nhiệt điện Ninh Bình đã được kiểm toán được lập vào ngày 12 tháng 8 năm 2019 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Bản giải trình chênh lệch KQSXKD 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính : <http://www.nbtpc.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BTGD;
- Veb NBTPC
- Lưu TCKT.
- Lưu VTCTy

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/ NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



Lương Thị Thúy

Ninh Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 SO VỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2018 đã được kiểm toán.

Căn cứ Thông tư số 155/2015 /TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình xin giải trình cụ thể như sau :



ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2019	So sánh
A	B	C	1	2	3 = 2-1
1	Điện sản xuất	tr.kwh	193.86	300.03	106.17
2	Điện thương phẩm	tr.kwh	175.78	272.92	97.14
3	Xuất hao than tiêu chuẩn	g/kwh	544.91	539.29	- 5.62
4	Tổng doanh thu	Tr đồng	344,158.20	548,696.93	204,538.73
4.1	Doanh thu bán điện	Tr đồng	339,401.76	544,727.96	205,326.20
4.2	Doanh thu hoạt động khác	Tr đồng	4,756.44	3,968.97	- 787.47
5	Tổng chi phí	Tr đồng	338,772.95	536,323.11	197,550.16
5.1	Chi phí sản xuất điện	Tr đồng	336,581.80	534,646.98	198,065.18
	T/Đó : Nhiên liệu	Tr đồng	263,349.90	447,478.63	184,128.73
	Chi phí khác còn lại	Tr đồng	73,231.90	87,168.35	13,936.45
5.2	Chi phí SXKD hoạt động khác	Tr đồng	2,191.15	1,676.13	- 515.02
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	5,385.25	12,373.82	6,988.57
6.1	Sản xuất điện	Tr đồng	2,819.96	10,080.98	7,261.02
6.2	Hoạt động kinh doanh khác	Tr đồng	2,565.29	2,292.84	- 272.45
7	Chi phí thuế TNDNN hiện hành	Tr đồng	1,119.61	2,521.17	1,401.56
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	4,265.64	9,852.65	5,587.01

Sản lượng điện 6 tháng đầu năm 2019 phát cao hơn 106.17 Tr.kwh so với 6 tháng đầu năm 2018 do Công ty được Trung tâm điều độ hệ thống Quốc gia huy động

Doanh thu sản xuất điện 6 tháng đầu năm 2019 tăng hơn 205,326.20 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2018 nguyên nhân là do sản lượng điện phát cao hơn 6 tháng đầu năm 2018.

Chi phí sản xuất điện tăng 198,065.18 triệu đồng trong đó:

- Chi phí nhiên liệu tăng hơn 184,128.73 triệu đồng nguyên nhân là do sản lượng điện phát cao hơn so với 6 tháng đầu năm 2018 là 106.17 tr.kwh từ đó dẫn đến chi phí nhiên liệu tăng.

- Chi phí khác còn lại tăng 13,936.45 triệu đồng là do công ty đã tăng tài sản mới đưa vào sử dụng nên chi phí khấu hao tăng và một số chi phí bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên và chi phí sửa lớn theo định kỳ.

Lợi nhuận trước thuế tăng 6,988.57 triệu đồng là do nguyên nhân chủ yếu sau :

Do sản lượng điện phát tăng nên lợi nhuận tăng.

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2019 tăng hơn 6 tháng đầu năm 2018.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD;
- Web NBTPC;
- Lưu TCKT;
- Lưu VTCTy.



Trịnh Văn Đoàn





Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 2700283389

ngày 5 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2700283389 ngày 5 tháng 1 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tổng Đức Chính	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Đoàn	Thành viên
Ông Lê Đức Chấn	Thành viên
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên
Ông Lê Văn Diễn	Thành viên (từ ngày 20/5/2019)
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên (đến ngày 20/5/2019)

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Thanh Bình	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Đoàn	Tổng Giám đốc
Ông Đường Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình
Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Trình Văn Đoàn
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng lưu ý đến Thuyết minh 3(f) trong báo cáo tài chính giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc Công ty trích trước và ghi nhận chi phí phát sinh cho các hạng mục sửa chữa tài sản cố định theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa tài sản cố định được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa hàng năm được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các hạng mục sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các hạng mục này, giá trị quyết toán được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả ngắn hạn. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó có điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp ghi nhận trước chi phí sửa chữa tài sản cố định của Công ty, điều kiện này không được thỏa mãn. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(f) của báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành soát xét nhằm mục đích đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 31. Thông tin bổ sung tại trang 32 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính giữa niên độ và không nằm trong phạm vi của cuộc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về thông tin này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Đạo Cáo soát xét số: 19-02-00003-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		363.512.369.270	315.092.778.117
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	14.551.960.853	94.794.157.756
Tiền	111		14.551.960.853	34.794.157.756
Các khoản tương đương tiền	112		-	60.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.000.000.000	5.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	7.000.000.000	5.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.885.671.443	175.379.057.169
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	261.583.712.426	171.738.216.516
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		918.212.000	162.908.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	6.383.747.017	3.477.931.853
Hàng tồn kho	140	12	60.343.435.915	38.680.216.468
Hàng tồn kho	141		60.468.157.466	38.804.938.019
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(124.721.551)	(124.721.551)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.731.301.059	739.346.724
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	2.271.907.658	739.346.724
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.459.393.401	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		118.105.260.934	72.604.096.572
Tài sản cố định	220		103.863.685.517	62.449.889.404
Tài sản cố định hữu hình	221	13	103.863.685.517	62.449.889.404
Nguyên giá	222		545.075.741.461	498.531.079.350
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(441.212.055.944)	(436.081.189.946)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.342.797.836	1.877.916.381
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	11.342.797.836	1.877.916.381
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		398.777.581	5.776.290.787
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	398.777.581	5.776.290.787
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		481.617.630.204	387.696.874.689

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		235.354.652.264	135.592.242.897
Nợ ngắn hạn	310		235.354.652.264	135.592.242.897
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	190.509.628.723	87.997.662.926
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.466.900.407	10.575.274.609
Phải trả người lao động	314		4.573.448.110	24.073.533.976
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	20.276.125.000	242.198.939
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	11.223.549.503	8.898.976.126
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	6.305.000.521	3.804.596.321
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		246.262.977.940	252.104.631.792
Vốn chủ sở hữu	410	22	246.262.977.940	252.104.631.792
Vốn cổ phần	411	23	128.655.000.000	128.655.000.000
- Cổ phiếu phổ thông				
có quyền biểu quyết	411a		128.655.000.000	128.655.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		80.529.183.541	34.471.976.921
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	25.454.308.182	68.860.854.802
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.624.486.217	20.116.800.069
- LNST chưa phân phối lũy kế				
đến cuối năm trước	421a		1.771.840.069	42.910.572
- LNST chưa phân phối				
kỳ này/năm nay	421b		9.852.646.148	20.073.889.497
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		481.617.630.204	387.696.874.689

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Thúy
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	546.894.556.232	342.301.060.361
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	522.501.641.570	324.199.894.587
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		24.392.914.662	18.101.165.774
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.376.829.487	1.397.773.640
Chi phí bán hàng	25		45.630.000	51.019.089
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	13.480.241.502	14.282.982.380
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 25 - 26)	30		12.243.872.647	5.164.937.945
Thu nhập khác	31		425.545.190	445.278.201
Chi phí khác	32		295.596.768	224.969.562
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		129.948.422	220.308.639
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.373.821.069	5.385.246.584
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.521.174.921	1.119.608.330
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		9.852.646.148	4.265.638.254
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	478	332

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Hạnh
Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Thúy
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		12.373.821.069	5.385.246.584
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.130.865.998	2.323.316.322
Các khoản dự phòng	03		-	51.574.662
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.376.829.487)	(1.518.228.186)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.127.857.580	6.241.909.382
Biến động các khoản phải thu	09		(104.155.437.272)	79.238.383.086
Biến động hàng tồn kho	10		(21.663.219.447)	(8.647.369.332)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		93.482.803.351	(39.575.549.993)
Biến động chi phí trả trước	12		3.844.952.272	3.360.769.296
			(12.363.043.516)	40.618.142.439
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.476.031.952)	(2.496.496.975)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		28.000.000	130.336.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.216.045.800)	(5.901.686.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.027.121.268)	32.350.295.464
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(54.830.671.519)	(3.777.849.289)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	120.454.546
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(7.000.000.000)	(4.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		5.500.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.566.259.084	1.435.037.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.764.412.435)	(6.622.356.993)

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(6.450.663.200)	(1.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.450.663.200)	(1.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(80.242.196.903)	25.726.228.471
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		94.794.157.756	78.340.198.686
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	14.551.960.853	104.066.427.157

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Hạnh
Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Thúy
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất điện;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác bao gồm: sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện; và
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 436 nhân viên (1/1/2019: 450 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm, giá gốc bao gồm nhiên liệu và vật tư, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 5 năm

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị tài sản cố định đang xây dựng hoặc lắp đặt hoặc các hạng mục sửa chữa tài sản cố định của Công ty chưa được hoàn thành. Khi hoàn thành, giá trị của các hạng mục này sẽ được (i) chuyển sang tài sản cố định nếu đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng; (ii) chuyển sang chi phí trả trước để phân bổ dần nếu hạng mục sửa chữa có giá trị lớn và không đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; hoặc (iii) ghi nhận là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ nếu hạng mục có tính chất sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa tài sản cố định được trích trước vào Giá vốn hàng bán trong kỳ và Chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa hàng năm được Hội đồng Quản trị phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các hạng mục này, giá trị quyết toán được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang và Chi phí phải trả ngắn hạn. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa tài sản cố định theo VAS 18 thì:

- Giá vốn hàng bán và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản 20.142.991.000 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 11.500.026.958 VND);
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và chi phí thuế TNDN hiện hành cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày sẽ cùng tăng 4.028.598.200 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 2.300.005.392 VND);
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ tăng 16.114.392.800 VND (1/1/2019: Không); và
- Xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ giảm tương ứng 9.243.079.583 VND và 20.142.991.000 VND (1/1/2019: Không).

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn bao gồm các khoản chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ có giá trị lớn và không đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định (Thuyết minh 3(f)). Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá, phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện năng, và một khu vực địa lý là Việt Nam.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ trực tiếp và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Ngoại trừ thông tin được trình bày trong Thuyết minh 27, Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.257.758.598	1.051.354.101
Tiền gửi ngân hàng	13.294.202.255	33.742.803.655
Các khoản tương đương tiền	-	60.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	14.551.960.853	94.794.157.756
	<hr/>	<hr/>

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại một ngân hàng trong nước và hưởng lãi suất 5,3% một năm (1/1/2019: 5,5%).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện	260.694.153.024	170.508.556.690
Các khách hàng khác	889.559.402	1.229.659.826
	<hr/>	<hr/>
	261.583.712.426	171.738.216.516
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất	260.694.153.024	170.508.556.690
Công ty Mua Bán Điện	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 20 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng mua bán than	3.000.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình	2.846.206.843	2.846.206.843
Lãi tiền gửi	86.643.836	276.126.033
Thuế thu nhập cá nhân phải thu từ nhân viên	84.930.775	260.900.308
Tạm ứng nhân viên	360.000.000	50.000.000
Khác	5.965.563	44.698.669
	6.383.747.017	3.477.931.853

(b) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình – Đơn vị phụ thuộc của công ty mẹ trực tiếp	2.846.206.843	2.846.206.843

Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình (“Ban Quản lý”) không có đảm bảo, không hưởng lãi và sẽ thu được sau khi Ban Quản lý hoàn thành việc quyết toán Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình.

12. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhiên liệu và vật tư	59.498.253.942	(124.721.551)	37.809.781.549	(124.721.551)
Công cụ và dụng cụ	416.155.904	-	382.758.539	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.170.086	-	28.772.489	-
Thành phẩm	495.577.534	-	583.625.442	-
	60.468.157.466	(124.721.551)	38.804.938.019	(124.721.551)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 380 triệu VND nhiên liệu và vật tư (1/1/2019: 380 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	84.761.035.895	376.742.297.997	21.044.596.911	15.983.148.547	498.531.079.350
Tăng trong kỳ	-	239.000.000	-	-	239.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	46.305.662.111	-	-	46.305.662.111
Số dư cuối kỳ	84.761.035.895	423.286.960.108	21.044.596.911	15.983.148.547	545.075.741.461
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	81.272.202.536	329.246.720.171	16.181.296.929	9.380.970.310	436.081.189.946
Khấu hao trong kỳ	273.180.498	3.298.939.810	575.589.962	983.155.728	5.130.865.998
Số dư cuối kỳ	81.545.383.034	332.545.659.981	16.756.886.891	10.364.126.038	441.212.055.944
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	3.488.833.359	47.495.577.826	4.863.299.982	6.602.178.237	62.449.889.404
Số dư cuối kỳ	3.215.652.861	90.741.300.127	4.287.710.020	5.619.022.509	103.863.685.517

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 408.059 triệu VND (1/1/2019: 407.618 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	1.877.916.381	2.138.414.509
Tăng trong kỳ	55.770.543.566	2.103.662.925
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(46.305.662.111)	-
Số dư cuối kỳ	11.342.797.836	4.242.077.434

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo hệ thống máy móc, thiết bị (Thuyết minh 3(f))	9.243.079.583	-
Dự án khí thải lò hơi	1.097.418.253	1.097.418.253
Phương tiện vận tải chờ đăng ký	1.002.300.000	-
Chi phí sửa chữa máy I	-	520.498.128
Máy nén khí đang trong quá trình lắp đặt	-	260.000.000
Số dư cuối kỳ	11.342.797.836	1.877.916.381

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2019 và 1/1/2019				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	250.000	5%	5%	2.500.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Trả trước tiền thuê đất	1.656.630.520	-
Trả trước chi phí bảo hiểm	132.278.328	169.630.295
Công cụ và dụng cụ	82.115.137	109.255.903
Chi phí trả trước khác	400.883.673	460.460.526
	2.271.907.658	739.346.724

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa lớn VND	Công cụ, dụng cụ và chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	5.400.396.243	375.894.544	5.776.290.787
Tăng trong kỳ	-	15.000.000	15.000.000
Phân bổ trong kỳ	(5.309.838.243)	(82.674.963)	(5.392.513.206)
	90.558.000	308.219.581	398.777.581

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Đông Bắc	170.597.953.666	61.811.742.736
Liên doanh Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Công nghiệp và Công ty TNHH Shanghai	12.519.045.000	8.313.030.000
Các nhà cung cấp khác	7.392.630.057	17.872.890.190
	190.509.628.723	87.997.662.926

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số tăng trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.196.184.643	42.685.174.172	(50.655.334.593)	226.024.222
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.596.076.016	2.521.174.921	(2.476.031.952)	1.641.218.985
Thuế thu nhập cá nhân	-	614.356.369	(604.739.169)	9.617.200
Thuế tài nguyên	783.013.950	2.577.330.000	(2.770.303.950)	590.040.000
Tiền thuế đất	-	3.313.261.000	(3.313.261.000)	-
Các loại thuế khác	-	73.593.545	(73.593.545)	-
	10.575.274.609	51.784.890.007	(59.893.264.209)	2.466.900.407

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định (Thuyết minh 3(f))	20.142.991.000	-
Chi phí phải trả khác	133.134.000	242.198.939
	20.276.125.000	242.198.939

20. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải trả	10.569.979.704	8.014.792.904
Quỹ ủng hộ người nghèo	242.933.736	220.360.800
Bảo hiểm xã hội	-	394.347.597
Bảo hiểm y tế	-	67.602.441
Bảo hiểm thất nghiệp	-	22.534.151
Kinh phí công đoàn	215.080.040	-
Phải trả khác	195.556.023	179.338.233
	11.223.549.503	8.898.976.126

(b) Phải trả ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải trả		
Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP – công ty mẹ trực tiếp	4.931.808.000	3.522.720.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh – bên liên quan khác	2.216.270.000	1.583.050.000
	7.148.078.000	5.105.770.000

Khoản cổ tức phải trả các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	3.804.596.321	3.817.885.020
Trích lập trong kỳ	6.688.450.000	8.595.740.000
Tăng khác	28.000.000	130.336.000
Sử dụng trong kỳ	(4.216.045.800)	(5.901.686.000)
Số dư cuối kỳ	6.305.000.521	6.642.275.020

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	128.655.000.000	26.856.736.012	65.112.625.711	52.423.180.572	273.047.542.295
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	4.265.638.254	4.265.638.254
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.363.470.000	(11.363.470.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.595.740.000)	(8.595.740.000)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	1.674.186.364	(1.674.186.364)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(19.298.250.000)	(19.298.250.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	128.655.000.000	28.530.922.376	74.801.909.347	17.431.358.826	249.419.190.549
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	128.655.000.000	34.471.976.921	68.860.854.802	20.116.800.069	252.104.631.792
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	9.852.646.148	9.852.646.148
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.650.660.000	(2.650.660.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.688.450.000)	(6.688.450.000)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	46.057.206.620	(46.057.206.620)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(9.005.850.000)	(9.005.850.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	128.655.000.000	80.529.183.541	25.454.308.182	11.624.486.217	246.262.977.940

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.865.500	128.655.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	128.655.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	128.655.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Công ty.

25. Cổ tức

Căn cứ Nghị quyết số 835/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2018 về việc tạm ứng cổ tức năm 2018, trong kỳ Hội đồng Quản trị của Công ty ban hành Nghị quyết số 366/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc phân phối các khoản cổ tức bằng tiền còn lại của năm 2018 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 7% tương ứng với số tiền 9.005.850.000 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 19.298.250.000 VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	3.233.145.000	3.233.145.000
Trong vòng hai đến năm năm	16.165.722.000	16.165.722.000
Sau năm năm	66.022.785.000	67.639.356.000
	85.421.652.000	87.038.223.000

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	49.793.150.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	3.487.000.000	-
	3.487.000.000	49.793.150.000

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán điện	544.727.965.012	339.401.757.631
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	2.166.591.220	2.899.302.730
	546.894.556.232	342.301.060.361

Trong kỳ, doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện bán và giá bán điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Giá bán điện này có thể được điều chỉnh dựa theo thỏa thuận giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Giá vốn bán điện	521.166.742.852	322.298.833.331
Giá vốn bán sản phẩm và cung cấp dịch vụ khác	1.334.898.718	1.901.061.256
	<hr/>	<hr/>
	522.501.641.570	324.199.894.587

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.376.829.487	1.397.773.640

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.544.513.296	8.148.038.960
Chi phí nhiên liệu và vật tư	112.108.267	144.917.718
Chi phí công cụ và dụng cụ	167.016.836	229.801.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	550.506.438	502.840.878
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.669.297.520	1.727.391.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.931.835	662.230.582
Chi phí khác	4.131.867.310	2.867.761.302
	<hr/>	<hr/>
	13.480.241.502	14.282.982.380

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu và vật tư trong chi phí sản xuất	449.246.881.651	265.639.187.280
Chi phí nhân công	40.058.408.262	41.809.402.236
Chi phí khấu hao	5.130.865.998	2.323.316.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.678.682.070	1.159.879.190
Chi phí sửa chữa lớn	25.452.829.243	16.809.865.210
Chi phí khác	13.401.195.537	10.971.409.745

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.521.174.921	1.119.608.330

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.373.821.069	5.385.246.584
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.474.764.214	1.077.049.317
Chi phí không được khấu trừ thuế	46.410.707	42.559.013
	2.521.174.921	1.119.608.330

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	9.852.646.148	4.265.638.254
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (VND)	(3.699.645.427)	-
	<hr/>	<hr/>
	6.153.000.721	4.265.638.254
	<hr/>	<hr/>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (cổ phiếu)	12.865.500	12.865.500
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	478	332

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ trực tiếp		
Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP		
Cổ tức đã công bố	4.931.808.000	10.568.160.000
Cổ tức đã trả	3.522.720.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua Bán Điện		
Doanh thu bán điện	544.727.965.012	339.401.757.631
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh		
Cổ tức đã công bố	2.216.270.000	4.749.150.000
Cổ tức đã trả	1.583.050.000	-
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy Điện		
Doanh thu dịch vụ	-	584.065.874

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	189.540.000	216.000.000
Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị	96.876.000	90.720.000
Thưởng của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	21.398.800	19.984.000
Ban Kiểm soát		
Lương của Trưởng Ban Kiểm soát	134.784.000	152.064.000
Thù lao của Thành viên Ban Kiểm soát	64.584.000	60.480.000
Thưởng của Thành viên Ban Kiểm soát	17.467.200	17.165.200
Ban Giám đốc		
Lương của Ban Giám đốc	311.688.000	352.512.000
Thưởng của Ban Giám đốc	37.480.400	30.652.887

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ i) các số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh có liên quan và ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



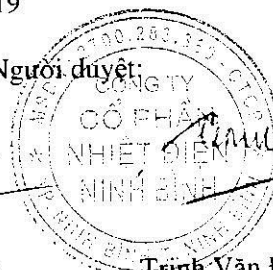
Bùi Thị Hạnh
Người lập

Người duyệt:




Lương Thị Thúy
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Đoàn
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo chi phí sản xuất và kinh doanh điện theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Nhiên liệu	447.478.625.523	263.349.898.994
Vật liệu	3.987.011.347	3.235.400.148
Lương và bảo hiểm xã hội	37.146.556.524	37.216.538.147
<i>Lương công nhân viên</i>	32.711.976.981	32.494.740.931
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,</i>		
<i>bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn</i>	4.434.579.543	4.721.797.216
Khấu hao tài sản cố định	4.759.725.100	1.949.718.150
Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.197.997.871	1.152.375.814
<i>Điện dùng nội bộ</i>	43.129.137	28.785.825
<i>Điện mua của Tập đoàn</i>	-	8.179.536
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	2.154.868.734	1.115.410.453
Chi phí sửa chữa lớn	25.452.829.243	16.809.865.210
<i>Sửa chữa lớn thuê ngoài</i>	10.709.838.243	6.424.865.210
<i>Sửa chữa lớn tự làm</i>	14.742.991.000	10.385.000.000
Chi phí bằng tiền khác	13.624.238.746	12.868.019.248
<i>Thuế tài nguyên</i>	2.577.330.000	1.485.000.000
<i>Thuế đất</i>	1.656.630.520	1.696.969.250
<i>Ấn ca</i>	2.050.000.000	2.090.000.000
<i>Trợ cấp mất việc làm</i>	118.808.000	-
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	51.574.662
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	7.221.470.226	7.544.475.336

Báo cáo này không phải là một bộ phận của báo cáo tài chính giữa niên độ này